

CÔNG TY TNHH TDHK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TDHK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDHK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TDHK CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108110946

3. Ngày thành lập: 27/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12A phố Phạm Huy Thông , Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903403542

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
2.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
3.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
4.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
5.	Đào tạo cao đẳng	8541
6.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
8.	Điều hành tua du lịch	7912
9.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
11.	Trồng cây ăn quả	0121
12.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
13.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
14.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
16.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
20.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510

21.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
22.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
24.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
25.	Hoạt động thể thao khác (Không bao gồm: Hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ; hoạt động của các vận động viên, trọng tài, người bấm giờ)	9319
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
27.	Xây dựng công trình công ích	4220
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
31.	Trồng cây hàng năm khác	0119
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
35.	Xây dựng nhà các loại	4100
36.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
37.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
38.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
39.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
40.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
41.	Đại lý du lịch	7911
42.	Vận tải bằng xe buýt	4920
43.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
45.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
46.	Giáo dục tiểu học	8520
47.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
48.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
49.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
52.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
53.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
55.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Quản lý bất động sản - Tư vấn bất động sản	6820
56.	Quảng cáo	7310
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
58.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
61.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
62.	In ấn	1811
63.	Sao chép bản ghi các loại	1820
64.	Giáo dục mầm non	8510
65.	Cho thuê xe có động cơ	7710
66.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
67.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
68.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

6. Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TUÂN	Số 37 phố Cầu Gỗ, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	85.500.000.000	95,000	011353378	
2	NGUYỄN VŨ KIÊN	C41-3 phố Vọng Đức, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.500.000.000	5,000	011368939	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VŨ KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng thành viên*

Sinh ngày: 22/07/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011368939

Ngày cấp: 05/10/2006

Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *C41-3 phố Vọng Đức, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *C41-3 phố Vọng Đức, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội